

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ ĐƯỜNG AN**

**PHỤ LỤC 1A**

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn  
trên địa bàn xã Đường An tính đến ngày 20/5/2026**

*(Kèm theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 29/05/2026 của UBND xã Đường An)*

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>Tổng</b>	<b>10,401</b>		<b>35,048</b>	<b>2,553</b>		<b>44</b>	<b>30</b>	
<b>XÃ ĐƯỜNG AN</b>									
1	Thôn Sồi Tó	517	129.25	1,715	71.00		2	2	
2	Thôn Phú Bình	533	133.25	1,812	60.80		2	2	
3	Thôn Sồi Cầu	403	100.75	1,425	81.70		2	2	
4	Thôn Hoạch Trạch	1310	327.50	4,713	195.20		2	2	
5	Thôn Phú Khê	599	149.75	1,981	147.70		2	1	
6	Thôn Mộ Trạch	990	247.50	3,418	349.49		2	2	
7	Thôn My Cầu	613	153.25	2,132	175.61		3	2	
8	Thôn Tuyên Cừ	236	59.00	850	86.90		2	1	
9	Thôn Trạch Xá	290	72.50	1,034	100.38		2	1	
10	Thôn Nhuận Đông	394	98.50	1,346	97.90		3	2	
11	Thôn Nhuận Tây	301	75.25	1,005	80.13		2	0	
12	Thôn Quang Tiên	223	55.75	694	53.94		2	1	
13	Thôn Mỹ Trạch	425	106.25	1,438	87.30		2	2	
14	Thôn Bá Đông	516	129.00	1,538	96.80		2	2	
15	Thôn Lương Ngọc	612	153.00	2,048	178.43		2	1	
16	Thôn Ngọc Cục	832	208.00	2,741	281.58		2	1	

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	Thôn Tào Khê	168	42.00	527	64.77		2	1	
18	Thôn Ngọc Tân	230	57.50	717	64.09		2	1	
19	Thôn Hoàng Sơn	382	95.50	1,253	58.00		2	1	
20	Thôn Thị Tranh	532	133.00	1,746	115.62		2	2	
21	Thôn Châu Khê	295	73.75	915	105.78		2	1	

**Ghi chú :** Thôn dự kiến có từ 400 hộ trở lên, tổ dân phố dự kiến có từ 550 hộ trở lên.





**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ ĐƯỜNG AN**

**PHỤ LỤC 1A**  
**Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn**  
**trên địa bàn xã Đường An**

*(Kèm theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 29/05/2026 của UBND xã Đường An)*

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đăng viên (người)	Số thôn/ tổ dân phố hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xã Đường An	10,401	35,048	1,217	21	1	3	5	12	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐƯỜNG AN**

**PHỤ LỤC SỐ 2**  
**Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Đường An**  
*(Kèm theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 29/05/2026 của UBND xã Đường An)*

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn/ tổ dân phố	Các tổ chức tại thôn, TDP																			Ghi chú
			Trước khi sắp xếp thôn, tổ dân phố									Sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố									So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp	
			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó									
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi)		Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)		
1	Xã Đường An	21	194	22	21	22	22	22	22	21	42	140	16	15	16	16	16	16	15	30	22=13-4	23
1	Xã Đường An	21	194	22	21	22	22	22	22	21	42	140	16	15	16	16	16	16	15	30	-54	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Văn Tâm	1962		x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn	4.2				x				x	x
2	Dương Văn Vụ	1961		x	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1.8				x				x	x
<b>IV</b>	<b><i>Thôn Quang Tiến</i></b>														
1	Nguyễn Đăng Huân	1964		x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận	2.9				x				x	x
2	Nguyễn Văn Thái	1965		x	Trưởng thôn	1.6				x				x	
<b>V</b>	<b><i>Thôn Bá Đông</i></b>														
1	Vũ Đình Tuyển	1976		x	Trưởng thôn	2.1			x					x	
2	Vũ Thị Quý	1976	x	x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận	3.9			x					x	
<b>VI</b>	<b><i>Thôn Mỹ Trạch</i></b>														
1	Đặng Thị Liễu	1968	x	x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn	4.2			x					x	x
2	Mai Ngọc Toàn	1962		x	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1.8				x				x	x

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>VII</b>	<b>Thôn Nhuận Đông</b>														
1	Vũ Đức Giồng	1973		x	Bí thư chi bộ	2.1			x					x	
2	Lê Văn Hồng	1974		x	Trưởng thôn	2.1			x					x	
3	Nguyễn Thị Tuyền	1962	x	x	Trưởng Ban công tác mặt trận	1.8				x		x			x
<b>VIII</b>	<b>Thôn Nhuận Tây</b>														
1	Phạm Hồng Phi	1989		x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn	3.2	x							x	
2	Vũ Thị Hiên	1989	x	x	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1.3	x							x	
<b>IX</b>	<b>Thôn Hoạch Trạch</b>														
1	Nhữ Đình Phú	1976		x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn	4.2			x				x		
2	Nhữ Thị Nhàn	1972	x	x	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1.8			x					x	
<b>X</b>	<b>Thôn Phú Khê</b>														
1	Đỗ Văn Nam	1974		x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn	4.2			x					x	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Vũ Đình Tam	1963		x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn	4.2				x			x		x
2	Vũ Huy Kiểm	1966		x	Trưởng ban công tác mặt trận thôn	1.8				x			x		
<b>XV</b>	<b><i>Thôn Thị Tranh</i></b>														
1	Nguyễn Văn Hanh	1987		x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn	4.2	x							x	
2	Hoàng Văn Minh	1963		x	Trưởng ban công tác mặt trận thôn	1.8				x				x	x
<b>XVI</b>	<b><i>Thôn Châu Khê</i></b>														
1	Phạm Duy Cơ	1956		x	Trưởng thôn	1.6				x				x	x
2	Bùi Thị Thu Thủy	1979	x	x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận	2.9		x				x			
<b>XVII</b>	<b><i>Thôn Lương Ngọc</i></b>														
1	Đặng Thế Lực	1963		x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn	4.2				x				x	x



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Phạm Văn Thanh	1972		x	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn	4.2			x					x	
2	Nguyễn Ngọc Lương	1960		x	Trưởng ban công tác mặt trận thôn	1.8				x				x	x
<b>Tổng số</b>				<b>8</b>	<b>44</b>		<b>6</b>	<b>6</b>	<b>17</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>30</b>	<b>14</b>

**Lưu ý:** Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3A phải thống nhất với số lượng tại cột số 07 Phụ lục số 1A















**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐƯỜNG AN**

**PHỤ LỤC 3B**

**Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn trên địa bàn xã Đường An**

(Kèm theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 29/05/2026 của UBND xã Đường An)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng (Đồng)	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>I Thôn Sồi Tó</b>															
1	Phạm Đình Sinh	1960		x	Phó thôn	2,340,000				x				x	x
2	Nguyễn Hồng Phương	1974		x	Thôn Đội trưởng	1,450,000			x					x	
<b>II Thôn Phủ Bình</b>															
1	Vũ Thị Điệp	1972	x	x	Phó thôn	2,340,000			x					x	
2	Dương Đức Nam	1998			Thôn đội trưởng	1,450,000	x							x	
<b>III Thôn Sồi Cầu</b>															
1	Nguyễn Văn Lĩnh	1976		x	Phó thôn	2,340,000			x					x	
2	Vũ Văn Dũng	1999			Thôn Đội trưởng	1,450,000	x							x	
<b>IV Thôn Quang Tiến</b>															
1	Vũ Quang Tiến	1981		x	Chuyên viên Ban XD Đảng kiêm Thôn Đội trưởng	1,450,000		x				x			
<b>V Thôn Bá Đông</b>															
1	Vũ Thị Thời	1967	x	x	Phó thôn	2,340,000			x					x	x
2	Chu Văn Thát	1985		x	Thôn Đội trưởng	1,450,000		x						x	
<b>VI Thôn Mỹ Trạch</b>															



<b>VII</b>	<b>Thôn Tào Khê</b>														
1	Cao Văn Huy	1991		x	Trưởng thôn kiêm thôn đội trưởng		x							x	
<b>XIX</b>	<b>Thôn Ngọc Tân</b>														
<b>I</b>	Bùi Tuấn Trung	1978		x	Thôn Đội trưởng	1,450,000		x						x	
<b>XX</b>	<b>Thôn Hoàng Sơn</b>														
1	Nguyễn Thị Tuyến	1966		x	Phó thôn	2,340,000				x				x	
	<b>Tổng</b>		<b>2</b>	<b>25</b>			<b>10</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>26</b>	<b>2</b>

**Lưu ý:** Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3B phải thống nhất với số lượng tại cột số 08 Phụ lục số 1A









TBCTMT kiêm TĐT

CHTND kiêm TT

CTV dân số

CTVDS là BT

Thôn đội trưởng BTĐTN

Kiểm Thôn đội trưởng

Trưởng thôn kiêm thôn đội trưởng

| TBCTMT kiêm Thôn đội trưởng  
Kiêm CHTND

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐƯỜNG AN**

**PHỤ LỤC 4**

**Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Đường An**  
(Kèm theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 29/05/2026 của UBND xã Đường An)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
<b>ĐỐI VỚI XÃ ĐƯỜNG AN</b>											
1	Thôn Sồi Tó	517	1,715	71.00	giữ nguyên thôn Sồi Tó	517	1,715	71.00	01 Nhà văn hóa		129.25
2	Thôn Phú Bình	1973	1,812	60.80	Giữ nguyên thôn Phú Bình	533	1,812	60.80	01 Nhà văn hóa		133.25
3	Thôn Sồi Cầu	403	1,425	81.70	Giữ nguyên thôn Sồi Cầu	403	1,425	81.70	01 nhà văn hoa		100.75
4	Thôn Hoạch Trạch	1310	4,713	195.20	Giữ nguyên thôn Hoạch Trạch	1310	4,713	195.20	01 Nhà văn hóa		327.50
5	Thôn Phú Khê	599	1,981	147.70	Giữ nguyên thôn Phú Khê,	599	1,981	147.70	01 Nhà văn hóa		149.75

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
6	Thôn Mộ Trạch	990	3,418	349.49	Giữ nguyên thôn Mộ Trạch	990	3,418	349.49	01 Nhà văn hóa		247.50
7	Thôn My Cầu	613	2,132	175.61	Giữ nguyên thôn My Cầu,	613	2,132	175.61	01 Nhà văn hóa		153.25
8	Thôn Tuyền Cừ	236	850	86.90	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Tuyền Cừ với thôn Trạch Xá	526	1,884	187.28	02 Nhà văn hóa	02 thôn có vị trí liền kề nhau; thôn có quy mô từ 50% đến dưới 70% số hộ gia đình ; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	131.50
	Thôn Trạch Xá	290	1,034	100.38							
9	Thôn Nhuận Đông	394	1,346	97.90	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Nhuận Đông với thôn Nhuận Tây	695	2,351	178.03	02 Nhà văn hóa	02 thôn có vị trí liền kề nhau; thôn có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình ; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	173.75
	Thôn Nhuận Tây	301	1,005	80.13							
10	Thôn Quang Tiên	223	694	53.94	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Quang Tiên với thôn Mỹ Trạch	648	2,132	141.24	01 Nhà văn hóa	02 thôn có vị trí liền kề nhau; 01 thôn có quy mô từ 50% đến dưới 70%.01 thôn có quy mô trên 100% số hộ gia đình ; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	162.00
	Thôn Mỹ Trạch	425	1,438	87.30							
11	Thôn Bá Đông	516	1,538	96.80	Giữ nguyên thôn Bá Đông,	516	1,538	96.80	01 Nhà văn hóa		129.00
12	Thôn Lương Ngọc	612	2,048	178.43	Giữ nguyên thôn Lương Ngọc,	612	2,048	178.43	01 Nhà văn hóa		153.00

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
13	Thôn Ngọc Cục	832	2,741	281.58	Giữ nguyên thôn Ngọc Cục, (Thôn 12)	832	2,741	281.58	01 Nhà văn hóa		208.00
14	Thôn Tào Khê	168	527	64.77	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Tào Khê, Ngọc Tân, Hoàng Sơn Trạch	780	2,497	186.86	03 Nhà văn hóa	03 tổ dân phố có vị trí liền kề nhau; có 01 thôn quy mô dưới 50%; 01 thôn có quy mô từ 50% đến dưới 70% số hộ gia đình và 01 TDP có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	195.00
	Thôn Ngọc Tân	230	717	64.09							
	Thôn Hoàng Sơn	382	1,253	58.00							
15	Thôn Thị Tranh	532	1,746	115.62	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Thị Tranh với thôn Châu Khê	827	2,661	221.40	02 Nhà văn hóa	02 thôn có vị trí liền kề nhau; 01 thôn có quy mô từ 50% đến dưới 70%.01 thôn có quy mô trên 100% số hộ gia đình ; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	206.75
	Thôn Châu Khê	295	915	105.78							

**Ghi chú :** Liệt kê tất cả thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, đặc khu (bao gồm cả sắp xếp, tổ chức lại và giữ nguyên).

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ ĐƯỜNG AN**

**PHỤ LỤC 5**  
**DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN**  
**NHÙNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI**  
*(Kèm theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 29/05/2026 của UBND xã Đường An)*

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)	
A	1	2	3	4	5	6	9
0	0	0	0.00	0	0.00	0.00	0

*Tổng số 03 thôn*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐƯỜNG AN

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn/tổ dân phố sau khi sắp xếp trên địa bàn xã Đường An  
(Kèm theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 29/05/2026 của UBND xã Đường An)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn, tổ dân phố hiện có	Số thôn/ tổ dân phố tiến hành sắp xếp					Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp					Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn, tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp	Số người HD KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi dư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó quy mô				Tổng số	Trong đó quy mô				Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên						
				Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên		Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Xã Đường An	21	11	1	3	5	2	15	0	0	0	15	4	1	0	0	6	8	3	Không đôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ ĐƯỜNG AN**

**PHỤ LỤC 6B**  
**TỔNG HỢP DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN**  
**SAU SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI**  
*(Kèm theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 29/05/2026 của UBND xã Đường An)*

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>		<i>4</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1	0							0		0	0.00

***Tổng số 01 tổ dân phố***

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐƯỜNG AN**

**PHỤ LỤC 7**

**Tổng hợp thực trạng, phương án xử lý, bố trí trụ sở nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp thôn trên địa bàn xã Đường An**

(Kèm theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 29/05/2026 của UBND xã Đường An)

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Thuộc phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng dôi dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
A		B	2	3	5	2			12	13	14	19	20
1	Thôn Sòi Tó	Giữ nguyên	2	1	1	0	0	0					
2	Thôn Phú Bình	Giữ nguyên	2	1	1	0	0	0					
3	Thôn Sòi Cầu	Giữ nguyên	2	1	1	0	0	0					
4	Thôn Hoạch Trạch	Giữ nguyên	3	1	3	0	0	0					
5	Thôn Phú Khê	Giữ nguyên	2	1	1	0	0	0					
6	Thôn Mộ Trạch	Giữ nguyên	3	1	2	0	0	0					
7	Thôn Mỹ Cầu	Giữ nguyên	2	1	1	0	0	0					
8	Thôn Tuyên Cừ	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Tuyên Cừ với thôn Trạch Xá để thành Thôn Tân Hồng	4	2	2	0	0	0	Tiếp tục sử dụng				
	Thôn Trạch Xá												
9	Thôn Nhuận Đông	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Nhuận Đông với thôn Nhuận	5	2	3	0	0	0	Tiếp tục sử dụng				

	Thôn Nhuận Tây	Lay de thanh thon Nạp Trạch											
10	Thôn Quang Tiên	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Quang Tiên với thôn Mỹ Trạch để thành thôn Bình Minh	3	1	2	1	0	0	Tiếp tục sử dụng				
	Thôn Mỹ Trạch												
11	Thôn Bá Đông	Giữ nguyên thôn Bá Đông,	2	1	1	0	0	0					
12	Thôn Lương Ngọc	Giữ nguyên thôn Lương Ngọc,	3	1	2	0	0	0					
13	Thôn Ngọc Cục	Giữ nguyên thôn Ngọc Cục, (Thôn 12)	3	1	2	0	0	0					
14	Thôn Tào Khê	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Tào Khê, Ngọc Tân, Hoàng Sơn Trạch để thành thôn Ngọc Hà	6	3	3	0	0	0	Tiếp tục sử dụng				
	Thôn Ngọc Tân												
	Thôn Hoàng Sơn												
15	Thôn Thị Tranh	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Thị Tr với thôn Châu Khê thành thôn Châu Khê	5	2	3	0	0	0	Tiếp tục sử dụng				
	Thôn Châu Khê												